

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị V - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 và 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2019/TLST- DS ngày 20/9/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST- DSST ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung C, Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh H theo quyết định số: 906/QĐ – BIDV ngày 26/11/2018. Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ V, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch T theo Quyết định số: 840/QĐ – BIDV.HVU ngày 12/7/2019.

Bị đơn: Bà Hà Thị Thanh V, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P. Hiện bà V đang ở nước ngoài.

Ông Đỗ Quang B (Ông B là chồng của bà V, đã chết).

(Ông V có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày: Bà Hà Thị Thanh V và ông Đỗ Quang B (là chồng bà V, đã chết) là khách hàng có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H- Phòng giao dịch T.

Cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017, bà Hà Thị Thanh V và ông Đỗ Quang B được Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T cho vay hoàn vốn tiền xây dựng cơ sở kinh

doanh karaoke tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ với tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng chẵn*). Đến ngày 12/7/2019, bà Hà Thị Thanh V và ông Đỗ Quang B còn dư nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh H là: 1.993.802.603 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*). Trong đó dư nợ gốc là: 1.820.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng*), nợ lãi là: 167.343.287 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*), lãi phạt quá hạn là: 6.459.315 đồng (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX149322 do UBND huyện Y cấp ngày 27/06/2014 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/10362313/HĐBĐ ngày 19/10/2017 giữa bên thế chấp là bà Hà Thị Thanh V, ông Đỗ Quang B và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh H– Phòng giao dịch T.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Hà Thị Thanh V và ông Đỗ Quang B (hiện tại ông Đỗ Quang B đã chết) không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết, vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh H– Phòng giao dịch T đã có nhiều biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng nhưng khách hàng vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết, đồng thời cũng không có thiện chí, phối hợp trong việc xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để trả nợ Ngân hàng. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của mình, BIDV H kính đề nghị quý Tòa xem xét, xét xử:

1. Buộc bà Hà Thị Thanh V phải sử dụng mọi nguồn thu để thanh toán toàn bộ nợ vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh H– Phòng giao dịch T, với tổng dư nợ đến ngày 12/7/2019 là: 1.993.802.603 đồng (*Một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), trong đó dư nợ gốc là: 1.820.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng*), nợ lãi là: 167.343.287 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*), lãi phạt quá hạn là: 6.459.315 đồng (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

Ngoài ra, bà Hà Thị Thanh V còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 12/7/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp bà Hà Thị Thanh V không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/10362313/HĐBĐ ngày 19/10/2017 giữa bên thế chấp là bà Hà Thị Thanh V và ông Đỗ Quang B với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh H– Phòng giao dịch T để trả nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định Ngân hàng yêu cầu bà Hà Thị Thanh V phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là bà Hà Thị Thanh V, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để bà Hà Thị Thanh V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà V vẫn không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Căn cứ đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Hà Thị Thanh V trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T với chữ viết, chữ ký của bà Hà Thị Thanh V trong Đơn xin đề nghị xác nhận tài sản riêng, biên bản xác minh tài sản riêng của cá nhân. Tại kết luận giám định số 1157/KLGD-2020 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết “V” và các chữ “Hà Thị Thanh V” dưới mục “Bên vay” tại trang số 3 trên “Hợp đồng tín dụng” (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “V” và các chữ “Hà Thị Thanh V” dưới mục: “Người làm đơn; chủ hộ gia đình” trên “Đơn xin đề nghị xác nhận tài sản riêng; Biên bản xác minh tài sản riêng của cá nhân” (Mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết và ký ra.

Tại phiên tòa ông Đỗ V là người được ủy quyền lại của người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện việc xác định người bị kiện là bà Hà Thị Thanh V, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Quang B. Đối với các nội dung khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đề nghị bà Hà Thị Thanh V phải trả tiền gốc và lãi tính tại thời điểm nộp đơn khởi kiện của Ngân hàng là 1.993.802.603đ (trong đó: gốc là : 1.820.000.000đ, lãi 173.802603đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ

- Buộc bà Hà Thị Thanh V có nghĩa vụ thanh toán trả cho ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T số tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bà Hà Thị Thanh V còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017 được ký kết giữa ngân hàng và bà Hà Thị Thanh V.

Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 15, tờ bản

đồ số 02, diện tích 291,5m² tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 149322 ngày 27/6/2014 cho bà Hà Thị Thanh V và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 300m².

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hà Thị Thanh V phải chịu (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt 800.000.000 đồng). Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001875 ngày 20/9/2019 là: 71.814.078đ (*Bảy một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở những ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện VKSND tỉ nh Phú Thọ tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I]. Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H - Phòng giao dịch T với bên vay là bà Hà Thị Thanh V với mục đích vay là hoàn vốn xây dựng cơ sở kinh doanh Karaoke. Như vậy, việc bà Hà Thị Thanh V vay tiền nhằm hoàn vốn không có mục đích lợi nhuận. Do vậy, vụ án được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại văn bản số: 19061/QLXNC-P5 ngày 22/11/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 69) xác nhận “Hà Thị Thanh V, sinh ngày 25/12/1980, địa chỉ ở Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 19/5/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xác định tư cách đương sự:

Theo giấy uỷ quyền ngày 19/10/2017, bên uỷ quyền là anh Đỗ Quang B, sinh năm 1967 (là chồng chị V), chị Đỗ Thị Ánh N – sinh năm 2000 (con chị V), bên nhận uỷ quyền chị Hà Thị Thanh V. Phạm vi uỷ quyền thể hiện chị V có trách nhiệm thực hiện các giao dịch vay vốn tại Ngân hàng, chịu trách nhiệm trả gốc và lãi. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 01, diện tích là 347m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Hà Thị Thanh V). Như vậy, Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T khởi kiện yêu cầu bà V phải trả khoản tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bà V là bị đơn là phù hợp. Ông Trần Quang B chết năm 2018. Trước khi kết hôn với bà V, ông Bình có 02 con là chị Đỗ Thị H, sinh năm 1989; chị Đỗ Khánh L, sinh năm 1995. Mặt khác Quyền sử dụng đất thửa đất số 10 tờ bản

đồ số 01, diện tích là 347m² và tài sản trên đất là của bà V có trước khi kết hôn với ông B. Xác định thửa đất số 10 tờ bản đồ số 01, diện tích là 347m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Hà Thị Thanh V là tài sản riêng của bà V. Do vậy, các con của ông B và cụ Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ ông B) không liên quan đến Hợp đồng vay vốn giữa bà V với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T không phải là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ văn bản của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 69) xác nhận “Hà Thị Thanh V, sinh ngày 25/12/1980, địa chỉ ở Đ, xã Đồng Thịnh, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 19/5/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước” . Ngoài ra, Hợp đồng vay vốn xác lập ngày 19/10/2017 thời điểm đó, chị V cư trú tại Khu Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xác định địa chỉ cuối cùng của chị V được xác định trong Hợp đồng giao dịch. Mặt khác, theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình dấu địa chỉ. Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[II]. **Nội dung vụ án:** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ với bà Hà Thị Thanh V xác định bằng Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017 có chữ ký của bà V và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/10362313/HĐBĐ ngày 19/10/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của bà Hà Thị Thanh V. Hợp đồng thế chấp được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật, các bên ký và chứng thực tại Văn phòng công chứng K, số 2406 đường H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y đúng theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 500 và 502 của Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đều đúng theo quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Đơn xin đề nghị xác nhận tài sản riêng đề ngày 15/3/2010, Biên bản xác minh tài sản riêng của cá nhân đề ngày 27/3/2010, đều có xác nhận của UBND xã Đ (Do UBND xã Đ và bà Hà Thị P - Là chị gái ruột của bà Hà Thị Thanh V cung cấp), Bảng đối khớp diện tích cũ và diện tích mới đề ngày 08/7/2013 (Do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp) đều thể hiện quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02, diện tích 291,5m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 149322 ngày 27/6/2014 cho bà Hà Thị Thanh V và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 300m² là tài sản riêng của bà Hà Thị Thanh V, có trước khi bà V kết hôn với ông B. Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp khi bà

Hà Thị Thanh V không có khả năng thanh toán nợ vay trong giai đoạn thi hành án là có cơ sở theo quy định tại các Điều 299, 320, 322 và 323 của Bộ luật dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của của mình.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà V phải thanh toán tiền gốc và lãi theo Hợp đồng hai bên đã ký kết. Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10362313/HĐTD ngày 19/10/2017 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H - Phòng giao dịch T với bên vay là bà Hà Thị Thanh V với mục đích vay vốn, bà V chưa trả được tiền gốc và lãi. Các căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng, buộc bà V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh H - Phòng giao dịch T các khoản sau: tiền vay cả gốc, lãi là: 1.993.802.603 đồng (*Một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), trong đó dư nợ gốc là: 1.820.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng*), nợ lãi là: 167.343.287 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*), lãi phạt quá hạn là: 6.459.315 đồng (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

[IV]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hà Thị Thanh V phải chịu 71.814.078đ (*Bảy một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[V]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng như: xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và tiền chi phí giám định là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận theo quy định của pháp luật bà Hà Thị Thanh V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T.

[VI]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hà Thị Thanh V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 37, khoản 1 Điều 158, Điều 159, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 91, 94, 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Xử:

1. Buộc chị Hà Thị Thanh V có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh H- Phòng giao dịch T số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 21/12/2020 là 1.993.802.603 đồng (*Một tỷ chín trăm chín mươi ba triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), trong đó dư nợ gốc là: 1.820.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng*), nợ lãi là: 167.343.287 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*), lãi phạt quá hạn là: 6.459.315 đồng (*Sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02, diện tích 291,5m² tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 149322 ngày 27/6/2014 cho bà Hà Thị Thanh V và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 300m².

2. Buộc bà Hà Thị Thanh V có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định là : 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hà Thị Thanh V phải chịu 71.814.078đ(*Bảy mốt triệu, tám trăm mười bốn nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 35.907.000đ (*Ba mươi lăm triệu, chín trăm linh bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001875 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- THADS huyện T;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

Lê Thị Thu Huyền

